

GIẢI PHÁP VẬN CHUYỂN ĐƠN HÀNG ONLINE



BẢNG GIÁ DỊCH VỤ SENGO.VN

Bảng giá được áp dụng từ ngày 01/12/2017 cho tất cả khách



MỤC LỤC

A. BẢNG GIÁ DỊCH VỤ	3
1. GIAO HÀNG CÙNG TỈNH: HCM, HÀ NỘI, ĐÀ NẴNG & NỘI TỈNH.	3
1.1 Bảng giá	3
1.2 Thời gian giao hàng dự kiến	4
1.3 Khu vực áp dụng dịch vụ	3
2. GIAO HÀNG LIÊN VÙNG ĐẶC BIỆT: HỒ CHÍ MINH <=> HÀ NỘI	4
2.1 Bảng giá	4
2.2 Thời gian giao hàng dự kiến	4
3. GIAO HÀNG NỘI VÙNG	5
3.1 Bảng giá	5
3.2 Thời gian giao hàng dự kiến	5
3.3 Khu vực áp dụng dịch vụ	5
4. GIAO HÀNG NỘI VÙNG ĐẶC BIỆT	5
4.1 Bảng giá	5
4.2 Thời gian giao hàng dự kiến	6
4.3 Khu vực áp dụng dịch vụ	6
5. GIAO HÀNG LIÊN VÙNG	6
5.1 Bảng giá	6
5.2 Thời gian giao hàng dự kiến	6
5.3 Khu vực áp dụng dịch vụ	6
B. CÁC DỊCH VỤ KHÁC	7
1. DỊCH VỤ LẤY HÀNG	7
2. PHÍ THU HỘ	7
3. KHAI GIÁ (BẢO HIỂM HÀNG GỬI)	7
4. ĐỔI THÔNG TIN KHÁCH HÀNG (NGƯỜI NHẬN)	7
5. PHÍ CHÊNH LỆCH TRỌNG LƯỢNG	8
6. CHUYỂN HOÀN	8
7. THANH TOÁN VÀ ĐỐI SOÁT	8
8. HÀNG CẤM VẬN CHUYỂN	8

A. BẢNG GIÁ DỊCH VỤ

1. GIAO HÀNG CÙNG TỈNH: HCM, HÀ NỘI, ĐÀ NẴNG & NỘI TỈNH.

1.1 Bảng giá

Khu Vực	Nội Thành	Ngoại Thành 1	Ngoại Thành 2
Cước Phí <i>**Áp dụng cho đơn hàng đến 3 kg</i>	13,000	13,000	24,000
Hàng hóa trên 3kg <i>Mỗi 0.5kg tiếp theo cộng thêm</i>	2,164		

**Bảng giá trên đã bao gồm VAT*

1.2 Khu vực áp dụng dịch vụ

HỒ CHÍ MINH	NỘI THÀNH	Quận 1, Quận 2, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 7, Quận 8, Quận 10, Quận 11, Quận Bình Thạnh, Quận Gò Vấp, Quận Phú Nhuận, Quận Tân Phú, Quận Tân Bình
	NGOẠI THÀNH 1	Quận 9, Quận 12, Quận Thủ Đức, Quận Bình Tân
	NGOẠI THÀNH 2	Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Cần Giờ
HÀ NỘI	NỘI THÀNH	Ba Đình, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Tây Hồ, Thanh Xuân
	NGOẠI THÀNH 1	Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Long Biên, Hà Đông
	NGOẠI THÀNH 2	Các tuyến Huyện và Thị xã
TỈNH THÀNH KHÁC	NỘI THÀNH	Các trung tâm thành phố của tỉnh
	NGOẠI THÀNH	Các khu vực huyện, xã

1.3 Thời gian giao hàng dự kiến

Thời gian giao hàng dự kiến (Đơn vị tính: Ngày)	Ngày Giao Hàng
	N + 1

2. GIAO HÀNG LIÊN VÙNG ĐẶC BIỆT: HỒ CHÍ MINH <=> HÀ NỘI

2.1 Bảng giá:

Khu Vực	Nội Thành	Ngoại Thành 1	Ngoại Thành 2
Trọng Lượng			
0 - 0.5 kg	29,000	29,000	40,000
0.5 - 1 kg	41,000	41,000	52,000
1 - 1.5 kg	54,000	54,000	65,000
1.5 - 2 kg	65,000	65,000	76,000
2 - 2.5 kg	78,000	78,000	89,000
2.5 - 3 kg	90,000	90,000	101,000

2.2 Thời gian giao hàng dự kiến:

Thời gian giao hàng dự kiến (Đơn vị tính: Ngày)	Ngày Giao Hàng
	N + 3

3. GIAO HÀNG NỘI VÙNG

3.1 Bảng giá

Khu Vực	Nội Thành	Ngoại Thành 1	Ngoại Thành 2
Cước Phí <i>**Áp dụng cho đơn hàng đến 3 kg</i>	30,000	30,000	38,000
Hàng hóa trên 3kg <i>Mỗi 0.5kg tiếp theo cộng thêm</i>	6,242		

**Bảng giá trên đã bao gồm VAT*

3.2 Thời gian giao hàng dự kiến:

Thời gian giao hàng dự kiến (Đơn vị tính: Ngày)	Ngày Giao Hàng
	N + 2

3.3 Khu vực áp dụng dịch vụ:

Khu vực	Miền Nam đi Miền Nam
	Miền Trung đi Miền Trung
	Miền Bắc đi Miền Bắc

4. GIAO HÀNG NỘI VÙNG ĐẶC BIỆT

4.1 Bảng giá:

Khu Vực	Nội Thành	Ngoại Thành 1	Ngoại Thành 2
Cước Phí <i>**Áp dụng cho đơn hàng đến 3 kg</i>	27,000	27,000	32,000
Hàng hóa trên 3kg <i>Mỗi 0.5kg tiếp theo cộng thêm</i>	6,866		

**Bảng giá trên đã bao gồm VAT*

4.2 Thời gian giao hàng dự kiến:

Thời gian giao hàng dự kiến (Đơn vị tính: Ngày)	Ngày Giao Hàng
	N + 2

4.3 Khu vực áp dụng dịch vụ:

Khu vực	Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương
---------	---

5. GIAO HÀNG LIÊN VÙNG

5.1 Bảng giá:

Khu Vực	Nội Thành	Ngoại Thành 1	Ngoại Thành 2
Cước Phí <i>**Áp dụng cho đơn hàng đến 3 kg</i>	41,000	41,000	52,000
Hàng hóa trên 3kg <i>Mỗi 0.5kg tiếp theo cộng thêm</i>	8,582		

5.2 Thời gian giao hàng dự kiến:

Thời gian giao hàng dự kiến (Đơn vị tính: Ngày)	Ngày Giao Hàng
	N + 3

5.3 Khu vực áp dụng dịch vụ:

Khu vực	Hà Nội <=> Các tỉnh miền Nam, miền Trung
	HCM <=> Các tỉnh miền Trung, miền Bắc

B. CÁC DỊCH VỤ KHÁC

1. DỊCH VỤ LẤY HÀNG

Miễn phí lấy hàng và miễn cước phí lấy hàng nếu lấy hàng không thành công.

2. PHÍ THU HỘ

Khu Vực	Phí Thu Hộ(VND)	Điều Kiện	Đối Tác
Toàn Quốc	Miễn Phí	Tất cả các đơn hàng	GHN
Hồ Chí Minh ↔ Hồ Chí Minh	Miễn Phí	Tất cả các đơn hàng	VNPost
Tỉnh Khác	14,000	Đơn hàng đến 1,000,000	
	1.5% Giá trị thu hộ	Đơn hàng trên 1,000,000	

3. KHAI GIÁ(BẢO HIỂM HÀNG GỬI)

Giá Trị Đơn Hàng	Ngày Giao Hàng
Dưới 3,000,000 VND	Miễn phí
Từ 3,000,000 VND	0.7% giá trị đơn hàng

*Phí khai giá chỉ áp dụng cho nhà vận chuyển GHN

4. ĐỔI THÔNG TIN KHÁCH HÀNG(NGƯỜI NHẬN)

Sengo sẽ hỗ trợ tiếp nhận đổi thông tin miễn phí như sau: số điện thoại, tên người nhận, địa chỉ nhận hàng(cùng tỉnh, cùng tuyến nếu Nhà Vận Chuyển hỗ trợ).

Không hỗ trợ đổi với các thông tin sau: Tiền thu hộ, địa chỉ khách hàng khác Tỉnh.

5. PHÍ CHÊNH LỆCH TRỌNG LƯỢNG

Người gửi hàng(shop) sẽ thanh toán phí chênh lệch trọng lượng nếu gói hàng vượt cân theo thông báo của Nhà Vận Chuyển.

Số tiền thu hộ khách vẫn giữ nguyên, SenGo sẽ không thay đổi số tiền theo đơn hàng đã được tạo. SenGo sẽ thông báo phần trọng lượng chênh lệch đến shop khi nhận được thông tin của Nhà vận chuyển.

Shop vui lòng nhập đúng cân nặng của đơn hàng để không bị ảnh hưởng việc giao hàng và các chi phí phát sinh.

6. CHUYỂN HOÀN

Khu Vực	Phí Chuyển Hoàn*
Hồ Chí Minh <=> Hồ Chí Minh	Miễn phí*
Hà Nội <=> Hà Nội	Miễn phí*
Nội tỉnh	Miễn phí*
Nội vùng	Đến 50% cước phí vận chuyển
Liên Vùng	Đến 50% cước phí vận chuyển

*Phí chuyển hoàn (nếu phát sinh) sẽ được hiển thị trong lúc shop lên đơn trên SENGO.VN, shop vui lòng đăng nhập SENGO.VN để kiểm tra chi tiết

7. THANH TOÁN VÀ ĐỔI SOÁT

SENGO sẽ đổi soát và chuyển tiền đến ví SenPay của shop trong vòng 24 giờ sau khi đơn hàng hoàn tất (trừ thứ 7 và Chủ nhật).

* Tìm hiểu thêm về ví SenPay tại: <https://senpay.vn/>

8. HÀNG CẤM VẬN CHUYỂN

- 8.1 Bao gồm các mục đã được quy định theo phụ lục 1A – Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh; phụ lục 1B – Danh mục hàng hóa cấm quảng cáo và phụ lục 1C – Danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh.
- 8.2 Gậy 3 khúc, dùi cui, côn, dao, súng, lưỡi lê, vũ khí thô sơ, súng phun nước, đèn pin hỗ trợ, đèn Pin tự vệ,...thuộc hàng hóa nguy hiểm (vũ khí) cấm vận chuyển.
- 8.3 Súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ.
- 8.4 Thuốc phiện, các hợp chất từ thuốc phiện, các chất ma túy và chất kích thích thần kinh.
- 8.5 Các loại hóa chất, tiền chất bị cấm.
- 8.6 Các loại văn hóa phẩm đồi trụy, phản động, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách; ấn phẩm, tài liệu nhằm phá hoại trật tự công cộng chống lại Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- 8.7** Vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng.
- 8.8** Các loại pháo, vật hoặc chất dễ nổ, dễ cháy và các chất gây nguy hiểm hoặc làm mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.
- 8.9** Đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả các chương trình trò chơi điện tử).
- 8.10** Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm hoặc chưa được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
- 8.11** Thực vật, động vật hoang dã (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến) thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác và sử dụng.
- 8.12** Thủy sản cấm khai thác, thủy sản có dư lượng chất độc hại vượt quá giới hạn cho phép, thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người.
- 8.13** Phân bón không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.
- 8.14** Giống cây trồng không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái.
- 8.15** Giống vật nuôi không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái.
- 8.16** Khoáng sản đặc biệt, độc hại.
- 8.17** Phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường.
- 8.18** Các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam.
- 8.19** Các loại trang thiết bị y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam
- 8.20** Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm có nguy cơ cao, thực phẩm được bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ, thực phẩm có gen đã bị biến đổi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- 8.21** Sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng thuộc nhóm amphibole.
- 8.22** Tiền Việt Nam, tiền nước ngoài và các giấy tờ có giá trị như tiền.
- 8.23** Các loại kim khí quý (vàng, bạc, bạch kim...), các loại đá quý hay các sản phẩm khác được chế biến từ kim khí quý, đá quý.
- 8.24** Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu.
- 8.25** Hàng hóa có chứa chất phóng xạ, thiết bị bức xạ hoặc nguồn phóng xạ.
- 8.26** Rượu các loại.
- 8.27** Sinh vật sống.
- 8.28** Các loại vật phẩm, hàng hóa mà nhà nước cấm/hạn chế lưu thông, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu.
- 8.29** Vật phẩm, ấn phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu.
- 8.30** Gửi vật phẩm, hàng hóa trong thư, ấn phẩm, học phẩm dùng cho người mù (NĐ 142/2004/NĐ-CP ngày 08/07/2004).
- 8.31** Các thuốc dành cho người phải có hóa đơn, giấy phép kinh doanh.
- 8.32** Bưu gửi chứa nhiều bưu gửi, gửi cho nhiều địa chỉ nhận khác nhau.
- 8.33** Danh mục các loại vũ khí (Văn bản pháp luật quy định về các loại vũ khí của Bộ Tư pháp). Và, các sản phẩm khác theo quy định của pháp luật.